

Số: 220/TM-MNBT
Về việc yêu cầu báo giá thực
phẩm, hàng hóa

Phường Nguyễn Trãi, ngày 19 tháng 08 năm 2025

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

**Cung cấp các mặt hàng thực phẩm, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt
động bán trú tại trường Mầm non Bến Tắm**

Kính gửi: Các công ty, đơn vị cung cấp các mặt hàng thực phẩm phục vụ
hoạt động bán trú.

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số
57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 4 tháng 8 năm 2025 Nghị
định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa
chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 79/TT-BTC ngày 4/8/2025 của Bộ tài chính Thông tư
hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu
trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Hiện nay, Trường Mầm non Bến Tắm đang quan tâm đến thực phẩm,
hàng hóa của các công ty, đơn vị và rất muốn có thêm thông tin chi tiết với các
yêu cầu sau:

**I. Yêu cầu báo giá các mặt hàng đáp ứng tối thiểu các tiêu chuẩn tại
Phụ lục đính kèm thư mời này.**

*(Báo giá đã bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận
chuyển. Bên mua không phải trả thêm bất cứ khoản chi phí nào. Giá mà nhà
cung ứng báo sẽ là giá cố định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng và
không thay đổi, do vậy nhà cung ứng phải có trách nhiệm tính toán các khoản
chi phí hợp lý vào trong báo giá).*

**II. Các yêu cầu cụ thể về thực phẩm, hàng hóa cần đảm bảo theo báo
giá của nhà cung ứng:**

1. Đối với thực phẩm:

- Nhà cung ứng ngoài việc báo giá cụ thể, cần nêu chi tiết từng loại thực
phẩm, nhà cung ứng có thể chào giá các loại thực phẩm, có tỷ lệ dinh dưỡng
tương đương hoặc tốt hơn. Vì vậy nhà cung ứng có thể chào giá các loại thực
phẩm, khác nhau nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn sử dụng “tương đương” hoặc
“tốt hơn” so với yêu cầu của nhà trường. Đối với các sản phẩm tốt hơn, nhà
cung ứng phải có bảng so sánh và tài liệu chứng minh đính kèm báo giá. Giá
phải tương ứng với chất lượng thực phẩm và suất ăn theo yêu cầu dưới đây. Cụ
thể:



1.1. Yêu cầu cụ thể đối với thịt, cá, thực phẩm tươi sống:

Thịt tươi sống, không có thuốc tang trọng; các thớ thịt đều, săn chắc, không nhũn nhão, đàn hồi tốt, ấn ngón tay vào thịt không để lại dấu ấn trên bề mặt thịt khi bỏ tay ra. Bề mặt khô, sạch, không dính lông và tạp chất lạ; Nước luộc thịt thơm, trong, vàng mờ to (khi luộc thịt). Cá tươi, không rỉ dịch, chảy nhớt. Màu sắc: Màu đặc trưng của sản phẩm. Mùi: Đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ. Đạt các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, đảm bảo chất lượng. Đã qua kiểm dịch của cơ quan thú y.

1.2. Yêu cầu đối với rau, củ, quả:

Đạt các tiêu chuẩn về an toàn toàn thực phẩm, đảm bảo chất lượng, độ tươi ngon. Đối với rau ăn lá phải tươi, ngon, không bị dập nát, không sâu, không có lá úa, lá già, không có tạp chất, không biến đổi gen, Củ quả to, đều còn cứng tươi; không có chất kích thích.. chất bảo vệ thực vật, rau đảm bảo cung cấp theo mùa.

Rau, củ, quả được sản xuất, cung cấp từ đơn vị đạt tiêu chuẩn VIETGAP; Cà chua đạt tiêu chuẩn OCOOP.

1.3. Các sản phẩm từ trứng:

Trứng còn tươi, khi để soi dưới ánh đèn có buồng khí nhỏ, lòng đỏ tròn, không di động, nằm cân bằng ở giữa, lòng trắng trong suốt, cam hoặc hồng nhạt. Khi lắc nhẹ mà không có tiếng động. Có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng. Đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.

1.4. Các loại sản phẩm khác:

Có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

Đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Nhà cung ứng phải báo giá cụ thể, chi tiết từng loại hàng hóa, có nhãn mác hàng hoá (nếu có), xuất xứ của hàng hoá, nhà sản xuất cụ thể của hàng hoá, hạn sử dụng theo quy định của nhà sản xuất, hạn sử dụng còn lại phải $\geq 2/3$ hạn sử dụng.

- Bao bì sản phẩm hàng hoá phải thể hiện đầy đủ thông tin về: nhãn mác sản phẩm, ngày sản xuất, hạn sử dụng, thông tin của nhà sản xuất.

- Trường hợp hàng hoá không đáp ứng yêu cầu chất lượng do nguyên nhân của nhà sản xuất thì nhà cung ứng phải cung cấp thay thế hàng hoá mới đạt yêu cầu chất lượng và thu hồi sản phẩm lỗi, thời gian cung cấp thay thế hàng hoá mới không quá 01 ngày kể từ thời điểm nhận được thông báo.

2. Yêu cầu về giao hàng

Địa điểm giao nhận: Tại bếp ăn của nhà trường

Địa chỉ: Tổ dân phố Chế Biền - Phường Nguyễn Trãi - Thành phố Hải Phòng

Thời gian cung cấp: Lần 1: Từ 6h30 phút đến 6h50 phút

Lần 2 (Bổ sung): Từ 8h00 phút đến 8h15 phút

Phương tiện vận chuyển, chi phí bốc xếp do bên giao hàng chịu trách nhiệm.

Trường Mầm non Bến Tầm trân trọng kính mời các công ty, đơn vị cung cấp báo giá cung cấp các loại thực phẩm gửi hồ sơ chào giá về đơn vị.

- Địa chỉ: Trường mầm non Bến Tầm: Tổ dân phố Chế Biên - Phường Nguyễn Trãi - Thành phố Hải Phòng trước 17h00 ngày 25/ 08 /2025.

Hồ sơ chào giá bao gồm các tài liệu sau:

+ Hồ sơ năng lực: Bản sao công chứng đăng ký kinh doanh, mô tả khái quát năng lực kinh nghiệm của đơn vị cung ứng.

+ Thư chào giá các mặt hàng thực phẩm bán trú theo các nội dung yêu cầu báo giá trên được kèm theo Danh mục chi tiết thông tin về giá và các đặc tính kỹ thuật. Rất mong nhận được sự quan tâm và tham gia chào giá từ phía đơn vị cung cấp dịch vụ. Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- WebSite của nhà trường;
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN CỦA ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Trâm





PHỤ LỤC
DANH MỤC HÀNG HOÁ

Định kèm Công văn số 220/TM-MNBT ngày 19 tháng 8 năm 2025)

STT	Tên hàng hóa	Quy cách	Đvt	Số lượng dự kiến/ 01 tháng	Số tháng	Tổng cộng
I. Rau, củ quả các loại						
1	Rau ngót	Hàng tươi, ngon, không bị dập nát, không sâu, không có lá úa, lá già, không có tạp chất, không biến đổi gen, không có chất kích thích, chất bảo quản, thu hoạch đúng thời vụ	Kg	35	9	315
2	Rau cải ngọt		Kg	50	9	450
3	Rau mùng tơi		Kg	30	9	270
4	Rau đay		Kg	30	9	270
5	Bí xanh ruột xanh		Kg	65	9	585
6	Súp lơ xanh		Kg	30	9	270
7	Bắp cải		Kg	30	9	270
8	Su hào		Kg	32	5	160
9	Bí đỏ		Kg	61	9	549
10	Khoai tây		kg	15	9	135
11	Khoai sọ		kg	70	9	630
12	Khoai môn		Kg	70	9	630
13	Su su		Kg	20	9	180
14	Cà rốt		Kg	10	9	90
15	Cà chua		Kg	50	9	450
16	Gừng		Kg	3,5	9	31,5
17	Mướp		Kg	15	9	135
18	Hành khô		Kg	4	9	36
19	Tỏi khô		Kg	0,5	9	4,5
20	Rau thì là		Kg	0,7	9	6,3
21	Hành lá		Kg	20	9	180
22	Rau mùi ta		kg	1	9	9
23	Rau răm		Kg	0,5	9	4,5
24	Rau tía tô		Kg	1	9	9
25	Quả dợc		Kg	0,5	9	4,5
26	Quả me		Kg	0,5	9	4,5
27	Gấc		Kg	8	9	72
28	Rau mùi tàu		Kg	1	9	9
29	Giá đỗ		Kg	16	9	144
30	Chuối tiêu	100-120 gram/quả	Kg	10	9	90
31	Dưa hấu	Khoảng 2 - 4 kg/quả	Kg	18	9	162
32	Xoài chín	Khoảng 3-4 quả/kg	Kg	12	9	108
33	Dưa vàng	Khoảng 2 - 4 kg/quả	Kg	10	9	90
34	Cam sành	Khoảng 4 quả/kg mọng nước	Kg	12	9	108
35	Thanh long	Khoảng 0,5 - 0,7 kg/quả	Kg	12	9	108



II. Gia vị, đồ khô, đồ hộp các loại

1	Dầu ăn Neptune	1 Lit/chai	Chai	2	9	18
2	Dầu ăn Neptune	5 Lit/can	Can	2	9	18
3	Nước mắm Cát Hải	2 lít/ can	Can	2	9	18
4	Hạt nêm chinsu	Túi 1.8 kg/túi	Túi	3	9	27
5	Muối tinh Iot	Túi 500 g/túi	Túi	3	9	27
6	Bột canh Vifon	Túi 900 g/túi	Túi	10	9	90
7	Bột canh Vifon	Túi 200g/túi	Túi	5	9	45
8	Gia vị Knor kho tàu	Túi 28 g/túi	Túi	7	9	63
9	Đường trắng xuất khẩu	Túi 1 Kg/túi	Túi	2,5	9	22,5
10	Nước cốt dừa	400ml/lọ	Lọ	2	9	18
11	Bánh đa trắng (Mỳ gạo)	Hàng đảm bảo VSATTP	Kg	95	9	855
12	Đậu trắng	Trắng tự nhiên, thơm, béo ngậy, không chất phụ gia	Kg	30	9	270
13	Gạo BC	Hàng đảm bảo VSATTP	Kg	550	9	4.950
14	Gạo nếp cái hoa vàng	Hàng đảm bảo VSATTP	Kg	25	9	225
15	Đỗ xanh tách vỏ loại 1	Hàng đảm bảo VSATTP	Kg	12	9	108
16	Đỗ xanh loại 1 hạt nhỏ trong xanh	Hàng đảm bảo VSATTP	Kg	2	9	18
17	Đỗ Tương	Hàng đảm bảo VSATTP	Kg	2	9	18
18	Hạt sen	Hàng đảm bảo VSATTP	Kg	2	9	18

III. Thịt gia súc, gia cầm

1	Thịt bò	Lọc sạch, không gân, thịt tươi mới, bề mặt sạch, không dính lông và tạp chất lạ, có độ đàn hồi, ấn ngón tay vào thịt không để lại dấu ấn trên bề mặt thịt khi bỏ tay ra, có màu đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ	Kg	8	9	72
2	Thịt vai sấn bò bì	Thịt tươi, mới, bề mặt khô, sạch, không dính lông và tạp chất lạ, đảm bảo VSATTP	Kg	255	9	2.295
3	Thịt nạc thăn		Kg	20	3	60
4	Xương ống	Thịt trên xương tươi, nước luộc thịt trong, đảm bảo VSATTP		40	9	360
5	Xương ba		Kg	40	9	360
6	Tim	Hàng đảm bảo VSATTP	Kg	6	9	54
7	Thịt ngan bỏ chân, cổ, cánh	Làm sạch, bỏ nội tạng, bỏ đầu, chân, cổ, cánh thịt tươi sống được lấy từ gia cầm nuôi, sống khỏe mạnh đảm bảo vệ sinh ATTP	Kg	27	9	243
8	Thịt vịt Bỏ chân, cổ		Kg	43	9	387
9	Thịt gà ta lai bỏ chân, cổ, cánh		Kg	35	9	315

10	Chim bồ câu nguyên con	Làm sạch, bỏ nội tạng thịt tươi sống được lấy từ gia cầm nuôi, sống khỏe mạnh đảm bảo vệ sinh ATTP	Kg	13	9	117
11	Trứng cút	Trứng sạch, tươi mới, không có mùi lạ, vỏ tròn, không bị méo mó, lòng trắng trong, không bị loãng quá, lòng đỏ có màu đặc trưng, không bị loãng	Kg	30	9	270
12	Trứng vịt		Kg	22	9	198

VI. Thủy hải sản các loại

1	Cua đồng	Cua nguyên con chưa sơ chế hàng tươi sống, đúng chủng loại, không có mùi lạ, đảm bảo VSATTP	Kg	10	9	90
2	Cá trắm cỏ	Cá làm sạch bỏ nội tạng từ 3-4kg/con	Kg	25	9	225
3	Trai	Hàng đều con tươi sống, đúng chủng loại yêu cầu, không có dịch nhớt, không có mùi lạ, đảm bảo VSATTP	Kg	18	9	162
4	Ngao		Kg	25	9	225
5	Tép đồng		Kg	5	9	45
6	Tôm biển	60 - 80 Con/kg Hàng tươi sống, đúng chủng loại yêu cầu, không có dịch nhớt, không có mùi lạ, đảm bảo VSATTP	Kg	15	9	135

